

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DS-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Trung

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 484/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1). Trụ sở chính: 266-268 N, phường X, Tp ..

+ Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2026).

- *Bị đơn:* Ông Trương Quốc T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số nhà G, đường B, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai.

(Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn* Ngân hàng S do ông Nguyễn Đức D đại diện trình bày:

Ngày 24/10/2023, ông Trương Quốc T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng). Theo đó, ông T chấp thuận đồng ý với

Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân theo hợp đồng tín dụng số: 296814 Ngân hàng đã cấp cho ông **T** Thẻ tín dụng số: 472074 - 4807 với số tiền hạn mức là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thể hiện tại Phiếu yêu cầu kích hoạt thẻ, nhận thẻ; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng; Với lãi suất 33.20%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Chi tiết lãi, phí được sao kê đầy đủ trong bản tóm tắt sao kê.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông **T** đã thực hiện 20 lần giao dịch với số tiền là 947.234.328 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); đồng thời ông **T** cũng đã thanh toán 20 kỳ (thanh toán không đầy đủ, không thường xuyên và không đúng hạn) với tổng số tiền là 897.541.212 đồng (**T1** trăm chín mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn hai trăm mười hai đồng). Do nhiều lần ông **T** vi phạm việc thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn nên ngày 05/10/2025 chuyển toàn bộ dự nợ lãi phí sang nợ quá hạn là 57.735.712 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười hai đồng) gọi là nợ gốc. Tính đến ngày 30/3/2026, ông **T** còn nợ tổng số tiền là 71.788.960đ (Bảy mươi một triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 57.735.712 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười hai đồng); tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/3/2026 là 14.053.248đ (Mười bốn triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên thông báo, đôn đốc, yêu cầu ông **T** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, tuy nhiên, ông **T** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó, **Ngân hàng TMCP S** yêu cầu Tòa án buộc ông **Trương Quốc T** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến 30/3/2026 71.788.960đ (Bảy mươi một triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 57.735.712 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười hai đồng); tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/3/2026 là 14.053.248đ (Mười bốn triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/02/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Trương Quốc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa **Ngân hàng TMCP S** và ông **Trương Quốc T** đã xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng thông qua Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 296814 ngày 24/10/2023. Việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **T** đã được ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng và ông **T** đã nhận thẻ, đã sử dụng nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhưng ông **T** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, thể hiện việc không hợp tác trong việc giải quyết vụ án.

Do đó, có căn cứ xác định ông **Trương Quốc T** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể là Điều 466 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật pháp luật và thẩm quyền giải quyết.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông **Trương Quốc T** cư trú tại: **phường L, tỉnh Đồng Nai** yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ tại hợp đồng tín dụng (thẻ tín dụng) nên xác định **Ngân hàng TMCP S** là nguyên đơn, ông **Trương Quốc T** là bị đơn; quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

Đối với người ủy quyền: Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2026 **Ngân hàng TMCP S** ủy quyền cho ông **Nguyễn Đức D** tham gia tố tụng nên xác định ông **D** là người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP S** tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Trương Quốc T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều

227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: ngày 24/10/2023, ông **Trương Quốc T** đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**, được cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông **T** đã nhận thẻ thể hiện tại Phiếu yêu cầu kích hoạt thẻ, nhận thẻ ngày 26/10/2023. Quá trình sử dụng thẻ, ông **T** đã thực hiện nhiều giao dịch và phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, ông **T** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận, dẫn đến việc Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Theo sao kê và bảng tính của Ngân hàng, tính đến 30/3/2026 là 71.788.960đ (Bảy mươi một triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 57.735.712 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười hai đồng); tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/3/2026 là 14.053.248đ (Mười bốn triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng).

Xét thấy, các khoản nợ này được thể hiện rõ ràng qua sao kê, phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng và quá trình sử dụng thẻ của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán hoặc có thỏa thuận khác, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về lãi suất: Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và việc áp dụng lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về yêu cầu thanh toán lãi và lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông **Trương Quốc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng khoản 3, 16 Điều 4, Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** đối với bị đơn ông **Trương Quốc T** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông **Trương Quốc T** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm tính đến 30/3/2026 là 71.788.960đ (Bảy mươi một triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 57.735.712 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười hai đồng); tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/3/2026 là 14.053.248đ (Mười bốn triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 31/3/2026 đến khi ông **T** thanh toán xong các khoản nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**.

3. Về án phí: Ông **Trương Quốc T** phải chịu 3.589.448đ (ba triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 1.529.229đ (một triệu, năm trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009696 ngày 28/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Đào